

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
*QUÝ III NĂM 2023*

**TÊN ĐƠN VỊ: TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**

**ĐỊA CHỈ: 68 Nguyễn Trung Trực - KP 9 - Bến Lức - Long An**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30/09/2023

Đơn vị tính : đồng

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Th. min h</b>	<b>Tại ngày 30/09/2023</b>	<b>Tại ngày 01/01/2023</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.583.520.785.374</b>	<b>1.676.197.734.696</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>4.283.358.140</b>	<b>4.823.284.758</b>
1. Tiền	111		4.283.358.140	4.823.284.758
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>839.566.900</b>	<b>606.224.550</b>
1. Chứng khoán và công cụ tài chính kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		839.566.900	606.224.550
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>5.2</b>	<b>1.501.844.752.649</b>	<b>1.568.476.450.658</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		836.105.510.881	824.465.821.225
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		81.586.075.244	129.293.793.118
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		625.134.156.950	658.182.222.627
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		6.411.523.100	4.119.957.214
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(47.392.513.526)	(47.585.343.526)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.3</b>	<b>75.388.371.547</b>	<b>100.652.648.042</b>
1. Hàng tồn kho	141		76.072.549.976	101.016.102.883
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(684.178.429)	(363.454.841)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.164.736.138</b>	<b>1.639.126.688</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	851.647.168	1.598.244.822
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		297.629.951	1.551.158
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.5	15.459.019	39.330.708
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	5.6	-	-

(Phần tiếp theo trang 02)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**

Địa chỉ : 68 Nguyễn Trung Trực - TT Bến Lức - Tỉnh Long An

Điện thoại : 028 3 232 400 - Fax : 028 3 233 300

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30/09/2023

Đơn vị tính : đồng

TÀI SẢN	Mã số	Th. min	Tại ngày 30/09/2023	Tại ngày 01/01/2023
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>403.045.585.185</b>	<b>627.363.740.238</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>80.210.000.000</b>	<b>80.000.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		210.000.000	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		80.000.000.000	80.000.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>294.160.075.495</b>	<b>311.038.335.145</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	5.7	278.496.781.507	295.333.144.321
+ Nguyên giá	231		484.948.415.987	478.901.759.527
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(206.451.634.480)	(183.568.615.206)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.8	15.663.293.988	15.705.190.824
+ Nguyên giá	228		16.589.679.628	16.589.679.628
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(926.385.640)	(884.488.804)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
+ Nguyên giá	222		-	3.501.522.110
+ Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	(3.501.522.110)
<b>IV. Tài sản dài hạn dở dang</b>	<b>240</b>		<b>14.038.455.914</b>	<b>220.586.134.700</b>
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		1.095.274.358	210.801.032.325
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		12.943.181.556	9.785.102.375
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.10	<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>14.637.053.776</b>	<b>15.739.270.393</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	6.316.356.428	7.367.802.537
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	5.12	8.320.697.348	8.371.467.856
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268	5.13	-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>			<b>403.045.585.185</b>	<b>627.363.740.238</b>

100  
CỘ  
SỐ  
ÁP  
HỌ  
TÊN L



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Địa chỉ : 68 Nguyễn Trung Trực - TT Bến Lức - Tỉnh Long An

Điện thoại : 028 3 232 400 - Fax : 028 3 233 300

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30/09/2023

Đơn vị tính : đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. min	Tại ngày 30/09/2023	Tại ngày 01/01/2023
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.048.933.354.830</b>	<b>1.426.892.739.561</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>989.561.015.343</b>	<b>1.256.343.280.040</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	234.050.424.507	344.067.526.495
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	113.823.266.607	93.861.270.509
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	8.972.694.261	3.043.856.422
4. Phải trả người lao động	314	5.16	4.266.649.567	10.168.523.360
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		8.346.788.003	181.068.531
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	5.17	-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.18	-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		25.119.958.351	62.785.212.283
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		579.619.761.587	726.874.349.980
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		15.361.472.460	15.361.472.460
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
11. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>59.372.339.487</b>	<b>170.549.459.521</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.19	29.372.339.487	29.393.684.682
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	5.20	-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	397.353.637
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		30.000.000.000	139.091.800.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.21	-	1.666.621.202
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343		-	-
<b>D.VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>937.633.015.729</b>	<b>876.668.735.373</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.23	<b>937.633.015.729</b>	<b>876.668.735.373</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		443.753.850.000	443.753.850.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		443.753.850.000	443.753.850.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Địa chỉ : 68 Nguyễn Trung Trực - TT Bến Lức - Tỉnh Long An

Điện thoại : 028 3 232 400 - Fax : 028 3 233 300

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30/09/2023

Đơn vị tính : đồng

7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	36.479.743.076	36.479.743.076
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421	464.899.422.653	403.935.142.297
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	403.934.981.815	390.565.269.590
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	60.964.440.838	13.369.872.707
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>1.986.566.370.559</b>	<b>2.303.561.474.934</b>

Ngày 25 tháng 10 năm 2023

NGƯỜI LẬP BẢNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ THỊ KHẢ HÂN

NGUYỄN THỊ TRÚC



NGUYỄN QUỐC ĐẠO

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Địa chỉ : 68 Nguyễn Trung Trực - TT Bến Lức - Tỉnh Long An

Điện thoại : 028 3 232 400 - Fax : 028 3 233 300

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT Quý III Năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã T số M	Quý III		Lũy kế	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	774.720.415.924	951.216.065.805	2.405.858.349.310	2.843.000.328.641
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	7.814.394.533	7.057.203.723	23.378.441.561	30.472.442.327
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10 6.1	<b>766.906.021.391</b>	<b>944.158.862.082</b>	<b>2.382.479.907.749</b>	<b>2.812.527.886.314</b>
4. Giá vốn hàng bán	11 6.2	736.266.129.296	918.583.373.874	2.263.573.401.248	2.715.486.634.333
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	<b>30.639.892.095</b>	<b>25.575.488.208</b>	<b>118.906.506.501</b>	<b>97.041.251.981</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21 6.3	11.709.927.700	10.966.285.084	71.456.009.756	35.286.406.918
7. Chi phí tài chính	22 6.4	26.347.499.190	20.833.639.624	71.043.340.015	53.219.868.407
Trong đó: chi phí lãi vay	23	19.137.306.217	14.208.583.238	61.005.027.485	40.426.408.915
8. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết					
9. Chi phí bán hàng	24 6.5	7.503.954.780	8.829.954.749	23.151.102.902	29.834.085.974
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25 6.6	10.045.358.542	9.507.708.017	28.507.615.619	26.840.045.357
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	<b>(1.546.992.717)</b>	<b>(2.629.529.098)</b>	<b>67.660.457.721</b>	<b>22.433.659.161</b>
12. Thu nhập khác	31 6.7	65.172.893	149.623.314	405.180.824	235.533.407
13. Chi phí khác	32 6.8	-	-	71.153.414	-
14. Lợi nhuận khác	40	<b>65.172.893</b>	<b>149.623.314</b>	<b>334.027.410</b>	<b>235.533.407</b>
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60	<b>(1.481.819.824)</b>	<b>(2.479.905.784)</b>	<b>67.994.485.131</b>	<b>22.669.192.568</b>
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	628.233.641	(8.236.645)	8.645.894.988	1.110.954.945
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	(1.386.316.712)	(378.826.393)	(1.615.850.695)	(161.198.939)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	<b>(723.736.753)</b>	<b>(2.092.842.746)</b>	<b>60.964.440.838</b>	<b>21.719.436.562</b>
18.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số					
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		<b>(723.736.753)</b>	<b>(2.092.842.746)</b>	<b>60.964.440.838</b>	<b>21.719.436.562</b>
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(16)	(47)	1.378	491
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71				

Long An, ngày 25 tháng 10 năm 2023

Lê Thị Khả Hân  
Người lập bảng

Nguyễn Thị Trúc  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Đạo  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**

Địa chỉ : 68 Nguyễn Trung Trực - TT Bến Lức - Tỉnh Long An

Điện thoại : 028 3 232 400 - Fax : 028 3 233 300

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT***(Theo phương pháp gián tiếp)***Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>MS</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>68.172.930.608</b>	<b>22.669.192.568</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		-	
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	18.738.542.457	19.538.761.799
Các khoản dự phòng	03	(2.785.794.506)	(1.541.690.652)
Lãi/ lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	11.794.336.155
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(22.386.529.288)	(25.115.813.653)
Chi phí lãi vay	06	58.221.247.158	40.426.408.915
Các khoản điều chỉnh khác		-	
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>119.960.396.429</b>	<b>67.771.195.132</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(93.752.633.540)	(290.273.215.437)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	25.384.384.946	(24.230.628.653)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	92.434.144.239	6.963.680.698
Tăng giảm chi phí trả trước	12	(90.641.244)	38.411.363
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	
Tiền lãi vay đã trả	14	(59.712.805.645)	(43.182.687.433)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.170.819.453)	(2.427.016.366)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	65.758.719	57.152.469.295
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(30.370.688.215)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>82.117.784.451</b>	<b>(258.558.479.616)</b>

**II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**

1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(812.948.405)	(2.389.304.940)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(443.988.211.666)	(161.237.139.439)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	618.533.931.569	354.232.275.043
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>173.732.771.498</b>	<b>190.605.830.664</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Địa chỉ : 68 Nguyễn Trung Trực - TT Bến Lức - Tỉnh Long An

Điện thoại : 028 3 232 400 - Fax : 028 3 233 300

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

### III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	
3. Tiền thu từ vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	909.684.346.535	1.021.476.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.166.030.734.928)	(959.436.422.146)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(256.346.388.393)</b>	<b>62.039.577.854</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(495.832.444)</b>	<b>(5.913.071.098)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	4.779.190.584	9.336.358.416
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	695.885
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>4.283.358.140</b>	<b>3.423.983.203</b>

Ngày 25 tháng 10 năm 2023

NGƯỜI LẬP BẢNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ THỊ KHẢ HÂN

NGUYỄN THỊ TRÚC



NGUYỄN QUỐC ĐẠO

C.Đ.Đ. K.Đ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2023

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 1100414052 ngày 14 tháng 02 năm 2007 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Long An cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 01 tháng 08 năm 2022.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần đây nhất là 443.753.850.000 VND.

Công ty có đầu tư vào các công ty con như được trình bày tại mục 1.6 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn).

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại tổng hợp.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Xây dựng nhà ở, giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Cho thuê nhà ở, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp, cho thuê và mướn kho bãi;
- Kinh doanh các loại hình dịch vụ hỗ trợ phát triển khu dân cư, khu đô thị;
- Thoát nước và xử lý nước thải; thi công lắp đặt hệ thống đường cống thoát nước;
- Chế biến, bảo quản thủy hải và các sản phẩm từ thủy sản;
- Khai thác, nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Sản xuất giống thủy sản;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Mua bán thủy sản và các sản phẩm chế biến thủy sản;
- Kinh doanh nguyên liệu, hương liệu và thuốc lá điếu;
- Hoạt động vận tải hành khách taxi.

#### 1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

#### 1.5. Số lượng các công ty con được hợp nhất

## Các công ty con trực tiếp:

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>	<u>Ghi chú</u>
1.	Công ty TNHH MTV Nhật Việt	149 Nguyễn Văn Cừ - Phường 2 – Quận 5 – TP HCM.	100%	100%	Đầu tư vào ngày 12/08/2019
2.	Công ty TNHH MTV Thương Mại và Xây Dựng Hoàng Long	Lầu 1, 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	100%	100%	
3.	Công ty TNHH Một thành viên Thức ăn Thủy sản Mekong	Ấp Tân Cường, Xã Phú Cường, Huyện Tam Nông, Tỉnh Đồng Tháp	100%	100%	Đầu tư vào ngày 31/8/2015

## 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12.

### 2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

### 3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2023. Trong năm Tập đoàn đã áp dụng các hướng dẫn kế toán mới của Bộ Tài chính như được trình bày tại mục 4.2 dưới đây

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

### 4.1 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của ngân hàng giao dịch;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng giao dịch;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng giao dịch;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua ngoại tệ.

### 4.2 Áp dụng hướng dẫn kế toán mới



Tập đoàn áp dụng Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính để soạn thảo và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kế thúc vào ngày 30/09/2023.

#### 4.3 Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 09 năm 2023 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2023. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### 4.4 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

#### 4.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao.

Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ"

#### 4.6 Nợ phải thu

##### **Nguyên tắc ghi nhận**

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Phải thu nội bộ là khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối năm.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

##### **Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3474  
ĐNG  
Đ PH  
P Đ  
JANG  
LUC

#### 4.7 Hàng tồn kho

##### ***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

##### ***Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính***

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

##### ***Phương pháp hạch toán hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

##### ***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

#### 4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và chi phí phát sinh cho nhiều kỳ kế toán. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

#### 4.9 Tài sản cố định hữu hình

##### ***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).



Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

### **Phương pháp khấu hao**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Quý 3 năm 2023</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 – 15 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	04 – 20 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 09 năm
▪ Tài sản cố định khác	08 – 50 năm

#### **4.10 Tài sản cố định vô hình**

##### **Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu**

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

##### **Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình**

###### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại số 68 Nguyễn Trung Trực, Thị trấn Bến Lức, Long An, Việt Nam của Tập đoàn. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

#### **4.11 Chi phí xây dựng dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **4.12 Bất động sản đầu tư**

##### **Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

##### **Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.



#### 4.13 Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

#### 4.14 Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Tập đoàn nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư

#### 4.15 Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối năm.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

#### 4.16 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả như chi phí lãi vay, chi phí vận chuyển, phí kiểm toán,... được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

#### 4.17 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ

#### 4.18 Nguồn vốn chủ sở hữu

##### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

##### *Cổ phiếu ngân quỹ*

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.



## **Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

## **Quỹ dự trữ**

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

## **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### **4.19 Doanh thu và thu nhập khác**

#### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế

#### ***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày dưới đây.

#### ***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### ***Thu nhập đầu tư vào công ty liên kết***

Kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty liên doanh liên kết.

#### ***Thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư***

Thu nhập từ bán các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

#### ***Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư***

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.

### **4.20 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.



Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

#### **4.21 Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

#### **4.22 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

#### **4.23 Chi phí tài chính**

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **4.24 Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ.

#### **4.25 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

#### **4.26 Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

#### **4.27 Thuế**

##### ***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%

*Chi phí thuế TNDN hoãn lại*

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.



### **Thuế giá trị gia tăng**

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

▪ Nguyên liệu chế biến thức ăn thủy sản	không chịu thuế
▪ Thương mại gia công chế biến thủy sản	5%
▪ Phí chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hóa	5%
▪ Dịch vụ xử lý nước thải	10%
▪ Thương mại thuốc lá	10%
▪ Các dịch vụ khác	10%

### **Các loại thuế khác**

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

## **4.28 Công cụ tài chính**

### **Ghi nhận ban đầu**

#### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay.

#### *Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

#### *Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **4.29 Nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

### **Phương pháp kế toán ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con**

Các thay đổi về tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con không đưa đến việc mất kiểm soát của Tập đoàn được hạch toán là giao dịch về vốn. Giá trị ghi sổ của Tập đoàn và lợi ích của cổ đông không kiểm soát được điều chỉnh để phản ánh sự thay đổi về tỷ lệ sở hữu tương ứng trong công ty con đó. Chênh lệch do điều chỉnh lợi ích của cổ đông không kiểm soát và giá trị hợp lý của khoản thanh toán được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ngay khi mất quyền kiểm soát công ty con, lãi lỗ của Tập đoàn được xác định là chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn với giá trị tài sản thuần chuyển nhượng tại thời điểm mất quyền kiểm soát cộng với giá trị lợi thế thương mại chưa phân bổ hết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

**Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ**

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	465.131.298	44.598.173
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.818.226.842	4.778.686.585
<b>Cộng</b>	<b>4.283.358.140</b>	<b>4.823.284.758</b>

**5.2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	VND	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty TNHH SX-TM-DV Kim Hoàng Long		
Công ty TNHH Thương Mại An Thịnh		
Bà Phạm Huyền Trang – Xem thêm mục 9		
Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long – Xem thêm mục 9	505.514.638.497	467.961.877.267
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Hoàng Long – Xem thêm mục 9		
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Cadovimex II – Xem thêm mục 9	39.539.734.780	35.784.572.785
Các khách hàng kinh doanh thức ăn thủy sản		301.689.463.316
Cty Phát Thịnh Đồng Tháp		
Cty Hoàn Cầu Đồng Tháp		
CTy Nước Mywaone	1.203.988.956	1.203.988.956
CTy CP Chế Biến và XNK Thủy Sản		
Trần Thanh Tâm	3.818.233.725	
Trần Văn Miên	154.350.451	
Huỳnh Ngọc Cơ	1.851.311.308	
Vương Xương Nhơn		
Nguyễn Hoàng Vũ		



Ngô Thành Tâm	28.599.650.938
Lâm Văn Tuấn	6.698.324.716
Hà Thị Nết	1.903.381.742
Nguyễn Văn Dọn	
Lý Văn Tùng	7.536.170.761
Phạm Thị Bích Thuận	
Nguyễn Thị Thiên Hương Duyên	
Hồ Thị Khuyến	
Lâm Văn Chí Hải	
Cty TNHH MTV Dương Hồng Phượng	
Nguyễn Thị Bé Ba	
Đình Văn Căn	
Phạm Văn Thịnh	
Ngô Văn Thiện	5.387.441.927
Đoàn Thanh Sang	3.500.000.000
Phạm Phương Nam	
Ngô Văn Khoe	
CTY TNHH SX TM DV Phú Thịnh Phát	3.382.017.073
Nguyễn Hùng Tráng	
Nguyễn Thành Nhân	
Nguyễn Thị Thanh Tâm	
Phan Thị Ngọt	
Võ Hồng Khanh	
Nguyễn Văn Liêm	
Phạm Văn Đào	2.595.737.852
Nguyễn Ngọc Khanh	3.936.789.837
Bùi Thị Hưởng	
Nguyễn Văn Nghiệp	
Trần Minh Tuấn	
Bùi Thanh Tuấn (1)	556.264.000
Bùi Thanh Tuấn (2)	25.750.682.669
Đoàn Văn Nê	
Nguyễn Thị Quan	
Trần Thị Kim Ngân	
Nguyễn Bích Liên	
Cty CP nuôi trồng thủy sản 26/3	
CTy CP Nuôi trồng thủy sản 1/5	
Nguyễn Văn Bảy	28.563.893.859
Đoàn Văn Tăng	30.938.173.506
Trần Văn Hương	
Phan Thị Bích Thuận	2.912.793.219



Nguyễn Thị Thiên Hương Duyên		
Hồ Thị Khuyến	18.777.682.970	
Phan Thanh Trí	1.969.392.100	
Dương Thị Hồng Phượng		
Lâm Chí Hải		
Trần Quốc Tính		
Cty TNHH MTV Dương Hồng Phượng		
Nguyễn Thị Bé Ba	1.781.989.687	
Bùi Thị Hường		
Nguyễn Thị Lý		
Phạm Phương Nam		
Nguyễn Thị Hường	1.711.506.958	
Nguyễn Thị Lệ		
Lý Minh Nhật		
Nguyễn Thị Quan		
Phạm Thị Khuê		
Trần Thị Kim Ngân		
Nguyễn Thị Bích Liên	6.000.000.000	
CTy CP ĐT Nam Cộng Hoà		
Trần Văn Tuấn	8.604.482.962	
Lê Hoàng Dũng	63.316.000.869	
Võ Thị Tém		
Bùi Thị Nông		
Hồ Thanh Long		
Nguyễn Quang Bình		
Hà Minh Đức		
Phạm Thị Mướt	1.297.370.000	
Cô Thị Mỹ Phương	553.23.279	
CTy TNHH MTV Phương Ngọc Mỹ	6.266.103.000	
Đình Văn Thành		
Ngô Ngọc Ân		
Nguyễn Thị Bạch Tuyết		
DNTN Cát Tiến Dung		
Đình Văn Sĩ		
CTy CP Hoàn Cầu Thanh Bình		
Cty CP Baomi Hoàn Cầu		
Trần Văn Hường		
Trần Quang Khải		
Công ty Cổ phần INDECO	4.022.418.313	
Phạm Thị Hà		278.439.800
Phải thu kinh doanh thuốc lá gói	6.303.374.288	



Phải thu chuyển quyền sử dụng đất	2.176.126.752	
Các khách hàng khác	8.982.249.887	17.547.479.101
<b>Cộng</b>	<b>836.105.510.881</b>	<b>824.465.821.225</b>

**5.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Công Ty TNHH Thương Mại An Thịnh	-	-
Công Ty TNHH SX TM DV Kim Hoàng Long	-	-
Công Ty Phát Thịnh Đồng Tháp	-	-
Công Ty TNHH MTV Chế Biến TS Hoàng Long	57.859.388.000	34.800.000.000
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Cadovimex II	13.588.635.000	85.965.185.000
Công Ty Carrggill, Incorporated		
Công Ty Mywaone		
Công Ty Quang Dũng	143.135.608	
Cty SX & TM đá hoa cương Hải Sơn	1.460.607.376	
Cty TNHH Mộc Cát Thuần TV TK XD	2.639.604.575	2.439.604.575
CTY CP Ngũ Sắc	694.008.000	
Cty TNHH SX TM Nhôm Kính Phước Thân	1.365.390.917	
Cty TNHH Thiết bị điện Quý Dền		
Cty TNHH điện lạnh, điện nước Thiên Phúc		
Cty TNHH DV Cơ khí XD Trường Phát		
Cty TNHH Thiết kế thi công nội thất Tuấn Anh		2.047.276.804
Cty TNHH xử lý chất thải CN & TV môi trường Văn Lang	138.600.000	
CTy Kiến Trúc Không Gian	666.468.000	
CTy TNHH TM DV KT Minh Vương	415.011.800	
TT kiểm định và bảo dưỡng CTTG Đồng Tháp	222.474.000	
Cty TNHH TM TK XD Việt Long Sài Gòn		
Cty Ngọc Tâm		
Cty TNHH KT CN An Thịnh		

Cty TNHH TM DV DL Hoàng Quân

CTy TNHH FamSun

CTy XD TM CK Quang Khôi

CTy TNHH MTV Nghiệm Thao

CTy TNHH Cơ Nhiệt GREENBOILER

Cty Trần Thanh Tâm

Cty CP Đầu Tư Mai Long

CTy TNHH TM VT Ngọc Như Ý

CTy Thiết Kế XD Quang Dũng

Công Ty Wilmar Agro VN

CTy TNHH Quốc Tế VHD

CTY CP VITA

Cty TNHH Không Gian  
Vĩnh Cửu ESPACE

92.400.000

Cty TNHH Công Nghệ  
Nước & Môi Trường  
Thanh Khiết

Ngô Thành Tâm

CTy CP Khai Anh Bình  
Thuận

Cty TNHH MTV Cơ Khí  
Thiên Phú Long An

862.135.960

Các đối tượng khác

1.438.216.008

4.041.726.739

**Cộng**

**81.586.075.244**

**129.293.793.118**

#### 5.4. Phải thu về cho vay

		VND
	Cuối kỳ	Đầu năm
Ngắn hạn:		
Công ty TNHH Một Thành Viên Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long – Xem thêm mục 9	550.736.550.790	657.415.222.627
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Cadovimex II	73.630.606.160	-
Công Ty MyWaone	380.000.000	380.000.000
Cty Kim Hoàng Long	7.000.000	7.000.000
Ngô Văn Tâm		
Nguyễn Hùng Tráng		
Hà Thị Bạch Tuyết	380.000.000	380.000.000
Các đối tượng khác		



<b>Cộng</b>	<b>625.134.156.950</b>	<b>658.182.222.627</b>
Dài hạn:		
Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng Long – Xem thêm mục 9	80.000.000.000	80.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>80.000.000.000</b>

#### 5.5. Phải thu khác

	VND			
	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu tiền tạm mượn Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Hoàng			-	-
Phải thu Cty Cado	2.914.913.339		-	-
Phải thu Công Ty TNHH Thương Mại An Thịnh	114.448.950			
Phải trả Cty Vĩnh Thành	50.998.465			
Phải thu người lao động (tạm ứng)	860.487.357		1.542.614.928	
Ký cược, ký quỹ				
Phải thu Cty Hoàn Cầu Đồng Tháp	673.588.562	(673.588.562)	673.588.562	(673.588.562)
Phải thu lãi cho vay				
Phải thu Phạm Phúc Toại	465.760.610			
Phải thu Phan Thanh Vũ	1.142.263.200	1.142.263.200	1.142.263.200	(1.142.263.200)
Phải thu Ngô Thành Tâm				
Phải thu khác	189.062.617	(50.998.465)	761.490.524	(50.998.465)
	<b>6.411.523.100</b>	<b>(1.866.850.227)</b>	<b>4.119.957.214</b>	<b>(1.866.850.227)</b>

#### 5.6. Nợ xấu

	VND			
	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	62.893.738.550	15.501.225.024	63.086.942.539	15.501.599.013
<b>Cộng</b>	<b>62.893.738.550</b>	<b>15.501.225.024</b>	<b>63.086.942.539</b>	<b>15.501.599.013</b>

	Đầu năm		Cuối năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công TY VLXD Hạ Long				
Kiều Thị Kè	274.890.000		274.890.000	
Phạm Thị Hà	278.439.800		278.439.800	
Hà Thị Bạch Tuyết	380.000.000		380.000.000	
Ngô Văn Thiện	5.387.441.927		5.387.441.927	
Huỳnh Văn Miêl	774.545.328		774.545.328	
Bùi Thanh Tuấn	25.750.682.669	8.650.028.337	25.750.682.669	8.650.028.337
Lâm Văn Tuấn	6.698.324.716		6.698.324.716	
CTy INDECO	4.022.418.313		4.022.418.313	
Cty Myone	1.583.988.956	551.196.687	1.583.988.956	551.196.687
Đoàn Thanh Sang	3.500.000.000	2.450.000.000	3.500.000.000	2.450.000.000
Nguyễn Thị Bích Liên	5.500.000.000	3.850.000.000	5.500.000.000	3.850.000.000
Cty VITA				
Cty TNHH SX TM DV Phú Thịnh Phát	3.382.017.073		3.382.017.073	
Các khách hàng khác	5.360.989.768	373.989	5.554.193.757	373.989
<b>Cộng</b>	<b>62.893.738.550</b>	<b>15.501.225.024</b>	<b>63.086.942.539</b>	<b>15.501.599.013</b>

#### 5.7. Hàng tồn kho

	VND			
	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	27.223.708.000	(684.178.429)	37.688.439.722	(363.454.841)
Công cụ, dụng cụ	5.725.632.358	-	6.182.580.212	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	886.664.792	-	995.956.533	-
Thành phẩm	17.153.622.051	-	30.665.354.334	-
Thành phẩm bất động sản	20.863.811.785	-	20.084.743.465	-
Hàng hóa	4.219.110.990	-	5.399.028.617	-
<b>Cộng</b>	<b>76.072.549.976</b>	<b>(684.178.429)</b>	<b>101.016.102.883</b>	<b>(363.454.841)</b>

5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

	VND			
	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Mua sắm TSCĐ	-	-	-	-
Khu biệt thự nhà vườn An Thạnh	-	-	186.273.458.049	186.273.458.049
Khu TĐC khu biệt thự nhà vườn An Thạnh	-	-	25.227.689.240	24.388.717.289
Thị công đường ống nước, sửa văn phòng	1.095.274.358	1.095.274.358		
Công trình KDC Long Kim 2 - GD2				
HT đường ống NMXL nước thải Long Cang	-			
Cụm công nghiệp HL-Long Cang	-	-	-	-
Đường An Thạnh – Tân Bửu	-	-	-	-
Xây dựng Biệt thự tại thửa đất số 550 và 570, tờ bản đồ số 29, lô 23 QH, chi tiết phân lô khu dân cư 51 Đống Đa, phường 3, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	-	-	-	-
TĐC Phước Đông	-			
Khu di tích lịch sử CM Tỉnh Long An				
Khu lưu niệm Nguyễn Hữu Thọ				
CT khác			459.580.575	138.856.987
<b>Cộng</b>	<b>1.095.274.358</b>	<b>1.095.274.358</b>	<b>211.960.727.864</b>	<b>210.801.032.325</b>

(Xem tiếp trang sau)





**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

**5.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	VND Tổng cộng
Nguyên giá:						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>152.746.136.727</b>	<b>307.497.802.566</b>	<b>22.092.595.346</b>	<b>1.989.536.521</b>	-	<b>484.326.071.160</b>
Mua trong năm	114.781.129	507.563.698	-	-	-	622.344.827
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm do thanh lý cty con	-	-	-	-	-	-
Tăng giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>152.860.917.856</b>	<b>308.005.366.264</b>	<b>22.092.595.346</b>	<b>1.989.536.521</b>	-	<b>484.948.415.987</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>34.190.280.343</b>	<b>139.045.276.850</b>	<b>13.602.907.797</b>	<b>905.311.007</b>	-	<b>187.741.023.247</b>
Khấu hao trong năm	2.429.051.432	15.219.048.364	969.239.615	93.271.822	-	18.710.611.233
Phân loại lại	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm do thanh lý cty con	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>36.619.331.775</b>	<b>154.264.325.214</b>	<b>14.572.147.412</b>	<b>995.830.079</b>	-	<b>206.451.634.480</b>
Giá trị còn lại:						
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>118.393.444.134</b>	<b>168.452.525.716</b>	<b>8.489.687.549</b>	<b>1.086.978.264</b>	-	<b>296.585.047.913</b>
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>116.241.586.081</b>	<b>153.741.041.050</b>	<b>7.520.447.934</b>	<b>993.706.442</b>	-	<b>278.496.781.507</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

**5.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<b>VND</b>
	Quyền sử dụng đất
Nguyên giá:	
Số dư đầu năm	16.589.679.628
Mua trong kỳ	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>16.589.679.628</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số dư đầu năm	884.488.804
Khấu hao trong kỳ	41.896.836
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>926.385.640</b>
Giá trị còn lại:	
Tại ngày đầu năm	15.705.190.824
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>15.663.293.988</b>

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

**5.11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

VND

Nguyên giá:	Khấu hao trong kỳ	Khấu hao lũy kế	Số cuối kỳ
-	-	-	-

(Xem tiếp trang sau)





## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

### 5.12. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Đầu năm		Trong kỳ		Cuối kỳ		VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn	603.191.800.000	603.191.800.000	909.152.000.000	932.724.038.413	579.619.761.587	579.619.761.587	
Nợ dài hạn đến hạn trả	222.774.349.980	222.774.349.980	532.346.535	223.306.696.515			
Vay dài hạn	40.000.000.000	40.000.000.000		10.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	
Nợ thuê tài chính dài hạn							
<b>Cộng</b>	<b>865.966.149.980</b>	<b>865.966.149.980</b>	<b>909.684.346.535</b>	<b>1.166.030.734.928</b>	<b>609.619.761.587</b>	<b>609.619.761.587</b>	

Vay ngắn hạn là khoản vay các công ty ngoài Tập đoàn và các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 7,5%/năm đối với VND. Mục đích bổ sung vốn lưu động, mở thanh toán L/C. Các khoản vay này được thế chấp bằng bất động sản, quyền sử dụng đất (xem thêm mục 5.10 và 5.13) và các giấy tờ có giá thuộc sở hữu hợp pháp của Tập đoàn và tài sản của Ông Phạm Phúc Toại - Xem thêm mục 9;

Vay dài hạn là khoản vay các ngân hàng thương mại với mục đích thanh toán chi phí đầu tư tài sản cố định và lãi suất từ 5%/năm đối với USD;



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Các khoản vay các bên liên quan được chi tiết như sau – Xem thêm mục 9:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**5.13. Phải trả người bán**

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả Tổng Cty CN TP Đồng Nai	-	-	-	-
Phải trả Cty An Thịnh	-	-	-	-
Phải trả Cty Hải Long Hoa	-	-	-	-
Phải trả Cty Chế Biến	12.834.073.095	12.834.073.095	1.109.195.919	1.109.195.919
Phải trả Cty Mywa one			7.280.000	7.280.000
Phải trả Cty Thạnh Đông	2.326.683.912	2.326.683.912	58.122.597.070	58.122.597.070
Phải trả Cty CP Tân Long				
Phải trả DNTN Thái Thị Thu Hạnh				
Công Ty TNHH SX - TM - DV Kim Hoàng Long				
Công ty TNHH Hữu Sáng				
Phải trả Hồ Thị Kim Thoa				
Phải trả Ngô Thành Tâm	10.760.086.500	10.760.086.500	200.000.000	200.000.000
Phải trả Lê Hồng Như				
Phải trả Phạm Văn Thịnh				
Phải trả Bùi Thanh Tuấn				
Phải trả Đinh Văn Căn				
Phải trả Đinh Văn Thành				
Phải trả Vương Xương Nhơn				

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Phải trả Nguyễn Hoàng Vũ

Phải trả Trần Văn Tâm

Phải trả Nguyễn Hùng Tráng

Phải trả Nguyễn Thị Thanh Tâm

Phải trả Võ Hồng Khanh 4.908.312.991 4.908.312.991

Phải trả Nguyễn Văn Liêm

Phải trả Võ Hồng Phương

Phải trả Trần Văn Hường 2.715.886.950 2.715.886.950

Phải trả Trần Văn Miển

Phải trả Nguyễn Văn Nghiệp

Phải trả Đoàn Văn Nê 19.630.912.000 19.630.912.000

Phải trả Ngô Thị Minh Anh

Phải trả Phan Thanh Trí

Phải trả Bùi Thị Hường

Phải trả Nguyễn Thị Lý 10.554.897.000 10.554.897.000

Phải trả Đinh Văn Sĩ

Phải trả Phạm Văn Hường

Phải trả Cty Dinh Dưỡng EZ 11.098.221.400 11.098.221.400

Phải trả Cty Evonik VN

Phải trả Cty Wilmar Agro VN

Phải trả Cty Minh Đan

Phải trả Cty Zagro VN

Phải trả Cty Nano Hợp Nhất

Phải trả Cty GIFA 1.321.690.000 1.321.690.000

Phải trả Cty Nam Hoa 5.801.685.000 5.801.685.000

Phải trả Cty hoá chất Thiên Nhiên Xanh 999.112.500 999.112.500

Phải trả Cty An Huy 2.700.000.000 2.700.000.000 12.733.027.000 12.733.027.000

405  
GTY  
PH  
ĐC  
JANG  
LUC



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Phải trả Cty Vận Tải Hoà Phát	598.998.400	598.998.400		
Phải trả Cty Công Nghệ Cao Hữu Thành	31.817.347.478	31.817.347.478		
Phải trả Cty Khai Anh - Bình Thuận				
Phải trả Cty Thú y và Thủy sản Hoàng Nam	2.880.000.000	2.880.000.000		
Phải trả Cty Cơ Điện Liên Thành				
Phải trả CTY Giang Minh Phát				
Phải trả CTY Minh Đông				
Phải trả CTY TNHH TĐH				
Phải trả CTY CP Đầu Tư 2/9				
Phải trả Cty TS thủy y Đặng Lê				
Phải trả Cty Muiyang Holding Co., Ltd				
Phải trả Cty Chim Én	23.641.983.018	23.641.983.018	41.131.718.270	41.131.718.270
Phải trả Cty Mai Kim Ngân	11.694.667.030	11.694.667.030	11.002.754.579	11.002.754.579
Phải trả Cty CP TM DV SX Hữu Thành			56.562.167.479	56.562.167.479
Chia tung Development Corp., Ltd	7.793.038.680	7.893.038.680	7.779.941.136	7.779.941.136
Phải trả FamSun Co., Ltd				
Phải trả Cty Thu Thủy Mộc	2.928.529.700	2.928.529.700		
Phải trả DNTN Thanh Trúc Nhi	1.361.601.120	1.361.601.120		
Phải trả Nguyễn Văn Tèo				
Phải trả Cty Minh Đồng	519.310.000	519.310.000		
Phải trả Nguyễn Thị Lệ	16.099.226.500	16.099.226.500		
Phải trả Nguyễn Văn Giàu				
Phải trả Phan Văn Sáng				
Phải trả CTY PROVIMI				
Phải trả CTY Nghiệm Thao				
Phải trả Cty Marine Functional VN				
Phải trả Cty Minh Thuận Tiến				



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Phải trả CTY Dinh Dưỡng BETA				
Phải trả CTY Trại Việt				
Phải trả CTY GREENBOILER				
Phải trả CTy TNHH TĐH				
Phải trả CTy CP GAD VN	2.725.982.810	2.725.982.810		
Phải trả Cty Thanh Phong	965.191.361	965.191.361		
Phải trả Lê Tấn Kiệt				
Phải trả Nguyễn Thị Trúc Linh				
Phải trả Cty TNHH Tèo Trầu	2.347.701.460	2.347.701.460		
Phải trả Cty TNHH Phương Quân Vina	2.123.204.725	2.123.204.725		
Phải trả Phạm Quốc Cường				
Phải trả CTY GOLDEN FRAM	899.000.000	899.000.000		
Phải trả Cty TNHH dầu gạo Thuận Cường	3.352.257.700	3.352.257.700		
Phải trả Cty TNHH dầu gạo Sethia Hemraj	668.960.600	668.960.600		
Phải trả Cty TNHH Proteina VN	13.130.702.715	13.130.702.715	13.604.080.400	13.604.080.400
Phải trả CTy TNHH Sử Việt Trung				
Phải trả Cty TNHH KT Công Nghiệp An Thịnh				
Phải trả Cty KAPPRO	1.975.680.000	1.975.680.000		
Phải trả CTY Lộc Vàng Kiên Giang	8.972.762.778	8.972.762.778		
Phải trả Cty Hân Hồng Thẩm				
Phải trả Cty Phúc Khang Hưng				
Phải trả Cty TNHH XNK Khang Thành Tín	1.196.105.000	1.196.105.000		
Phải trả Cty Ánh Lộc Vàng			11.584.441.000	11.584.441.000
Phải trả Cty nguyên liệu SX Hoàng Việt	3.061.689.000	3.061.689.000		
Phải trả Cty AGROCHEM -VINA	1.231.038.000	1.231.038.000		
Phải trả Cty TNHH MUAVIT Việt Nam	835.000.000	835.000.000		
Phải trả Cty hút châu Bảy Chợt	108.200.000	108.200.000		

C.P \* AN GI

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Phải trả Cty TNHH KT công nghiệp An Thịnh	82.769.050	82.769.050		
Phải trả Nguyễn Quang Bình				
Phải trả Võ Minh Tấn				
Phải trả Nguyễn Thành Nhân				
Phải trả Nguyễn Thị Cẩm Xuyên				
Phải trả Nguyễn Hoàng Vương	10.611.954.500	10.611.954.500		
Phải trả CTY TNHH Phương Quân Vina				
Phải trả Dương Thị Hồng Phượng				
Phải trả Phan Thị Ngọc				
Phải trả Cty Thức ăn Minh An				
Phải trả Cty GOLDEN FRAM				
Phải trả CTY PT Thủ Thiêm	358.922.500	358.922.500		
Phải trả Cty Huynh Đệ				
Phải trả bao bì Gia Phát	323.318.168	323.318.168		
Phải trả Lê Ngọc Ánh	1.117.312.316	1.117.312.316	1.146.174.204	1.146.174.204
Phải trả Cty Linh Chung	462.000.000	462.000.000		
Phải trả Cty VHD				
Công ty Cổ phần HUM	204.114.347	204.114.347		
Các nhà cung cấp khác	11.941.206.203	11.941.206.203	199.453.237.438	199.453.237.438
<b>Cộng</b>	<b>234.050.424.507</b>	<b>234.050.424.507</b>	<b>344.067.526.495</b>	<b>344.067.526.495</b>

**5.14. Chi phí phải trả dài hạn**

Là chi phí trích trước cho công trình Long Kim 2.

**5.15. Phải trả khác**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Ngắn hạn:		
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.895.570.746	1.922.830.253
Nhận ký quỹ ký cược	3.000.000.000	3.000.000.000
Phải trả về việc chuyển nhượng công ty con		



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Tạm mượn các đối tượng khác		4.297.193.499
Phải trả bà Lê Thanh Tuyền	4.125.525.684	
Phải trả Phạm Huyền Trang		50.068.233.175
Phải trả CTy CP Thanh Mỹ		
Phải trả lãi vay		480.940.959
Phải trả phí bảo vệ môi trường		
Phạm Phúc Toại - Xem thêm mục 9		
Phạm Hoàng Long - Xem thêm mục 9		
Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II mượn - Xem thêm mục 9		
Cty Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	13.135.150.448	
Nhận trước tiền chuyển nhượng cổ phần		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.963.711.473	3.016.014.397
<b>Cộng</b>	<b>25.119.958.351</b>	<b>62.785.212.283</b>
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược khác		-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**5.16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	Cuối kỳ	VND Đầu năm
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời do trích trước chi phí khu đất Long Kim	2.228.470.899	2.733.587.380
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	6.092.226.449	5.637.880.476
Số bù trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
<b>Cộng</b>	<b>8.320.697.348</b>	<b>8.371.467.856</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

**5.17. Vốn chủ sở hữu****5.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối và các quỹ	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	443.753.850.000	(7.500.000.000)	36.479.743.076	390.667.324.294	-	863.400.917.280
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	13.369.872.707	-	13.369.872.702
Cổ tức	-	-	-	-	-	-
Khác (Cty mẹ hạch toán bổ sung thuế TNDN phải nộp 2022)	-	-	-	(102.054.614)	-	(102.054.614)
Số dư đầu năm nay	443.753.850.000	(7.500.000.000)	36.479.743.076	403.935.142.297	-	876.668.735.373
Lợi nhuận kỳ này	-	-	-	60.964.440.838	-	60.964.440.838
Lợi ích CĐTS	-	-	-	-	-	-
Cổ tức	-	-	-	-	-	-
Khác (Cty mẹ hạch toán bổ sung thuế TNDN phải nộp 2022)	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>443.753.850.000</b>	<b>(7.500.000.000)</b>	<b>36.479.743.076</b>	<b>464.899.422.653</b>	<b>-</b>	<b>937.633.015.729</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

**5.17.2. Cổ phiếu**

		VND
	Cuối kỳ	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	44.375.385	44.375.385
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng:	44.375.385	44.375.385
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ):	(150.000)	(150.000)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành:	44.225.385	44.225.385
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		

**5.18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
USD	725,47	12.731,58
EUR	101,19	101,19

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT****6.1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

		VND
	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu hoạt động thương mại	23.226.487.467	22.647.128.456
Doanh thu thức ăn thủy sản	740.065.295.813	917.506.272.779
Doanh thu hoạt động thi công	138.472.195	208.201.824
Doanh thu kinh doanh bất động sản		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	298.133.000	512.316.150
Doanh thu cung cấp nước	3.177.632.916	3.284.942.873
Doanh thu khác		
Các khoản giảm trừ		
<b>Cộng</b>	<b>766.906.021.391</b>	<b>944.158.862.082</b>

(Xem tiếp trang sau)

12-C  
 TẬP ĐOÀN  
 HOÀNG LONG  
 30-T.1



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

**6.2. Giá vốn hàng bán**

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn hoạt động thương mại	21.932.358.326	20.959.845.777
Giá vốn thức ăn thủy sản	711.169.531.678	894.878.784.726
Giá vốn hoạt động thi công	83.809.124	116.307.359
Giá vốn hoạt động bất động sản	(64.184.138)	
Giá vốn dịch vụ	1.096.090.727	487.486.296
Giá vốn cung cấp nước	2.048.523.579	2.140.949.716
Giá vốn hoạt động khác		
Dự phòng giảm giá tồn kho		
<b>Cộng</b>	<b>736.266.129.296</b>	<b>918.583.373.874</b>

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.951.218.360	9.938.996.973
Chiết khấu thanh toán		1.027.288.111
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11	
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Lãi chậm thanh toán bán hàng		
Doanh thu hoạt động tài chính khác	758.709.329	
<b>Cộng</b>	<b>11.709.927.700</b>	<b>10.966.285.064</b>

**6.4. Chi phí tài chính**

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền vay	19.137.306.217	14.208.583.238
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		159.771.639
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.650.104.742	6.320.820.256
Dự phòng đầu tư vào cty con		
Chiết khấu thanh toán		144.464.491
Chi phí tài chính khác	560.088.231	
<b>Cộng</b>	<b>26.347.499.190</b>	<b>20.833.639.624</b>

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

**6.5. Chi phí bán hàng**

	VND	
	Năm nay	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	2.618.411.470	3.906.958.064
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	6.010.000	36.033.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	26.996.625	14.208.750
Chi phí dịch vụ mua ngoài	280.559.454	282.802.957
Chi phí bằng tiền khác	4.571.977.231	4.589.951.978
<b>Cộng</b>	<b>7.503.954.780</b>	<b>8.829.954.749</b>

**6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	6.589.813.049	6.334.332.408
Chi phí vật liệu quản lý		
Chi phí đồ dùng văn phòng	44.705.905	97.694.158
Chi phí khấu hao TSCĐ	297.163.059	252.119.745
Thuế, phí và lệ phí	68.334.727	17.423.406
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	523.372.494	397.033.377
Chi phí bằng tiền khác	2.521.969.308	2.409.104.923
<b>Cộng</b>	<b>10.045.358.542</b>	<b>9.507.708.017</b>

**6.7. Thu nhập khác**

	VND	
	Kỳ này	Kỳ trước
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định		
Thu phí đo đạc		
Thu tiền bán phế liệu		
Thu lãi trả chậm, phạt vi phạm hợp đồng		70.000.000
Phí bảo vệ môi trường được giữ lại		
Xử lý công nợ khó đòi		
Thu nhập khác	65.172.893	79.623.314
<b>Cộng</b>	<b>65.172.893</b>	<b>149.623.314</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

### 6.8. Chi phí khác

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	-
Chi phí xử lý ao nuôi	-	-
Phạt vi phạm hợp đồng	-	-
Chi phí xử lý hàng tồn kho	-	-
Chi phí chậm thanh toán	-	-
Chi phí khác	-	-
<b>Cộng</b>	<u>-</u>	<u>-</u>

### 6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	628.233.641	(8.236.645)
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<u>628.233.641</u>	<u>(8.236.645)</u>

## 7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

### 7.1. Các khoản đi vay thực thu trong năm

Là tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

### 7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Là tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường

## 8. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Sản xuất, thương mại
- Thi công, xây lắp
- Dịch vụ taxi
- Bất động sản
- Nuôi trồng, chế biến thủy sản, thức ăn thủy sản
- Hoạt động khác



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

	VND					
	Thương mại	Thi công	Bất động sản	Thực ăn thủy sản	Khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần	61.809.583.752	469.145.881	1.076.140.334	2.308.856.878.290	10.268.159.492	2.382.479.907.749
Giá vốn	58.182.998.193	351.469.613	(40.316.138)	2.196.355.958.341	8.723.291.239	2.263.573.401.248
<b>Lãi gộp</b>	<b>3.626.585.559</b>	<b>117.676.268</b>	<b>1.116.456.472</b>	<b>112.500.919.949</b>	<b>1.544.868.253</b>	<b>118.906.506.501</b>
Chi phí bán hàng	6.174.604.777			16.976.498.125		23.151.102.902
Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.249.376.384			13.971.975.507	4.286.263.728	28.507.615.619
<b>Lợi nhuận từ hoạt động bán hàng</b>	<b>(12.797.395.602)</b>	<b>117.676.268</b>	<b>1.116.456.472</b>	<b>81.552.446.317</b>	<b>(2.741.395.475)</b>	<b>67.247.787.980</b>
Doanh thu tài chính	28.717.130.951			8.284.664.160	34.454.214.645	71.456.009.756
Chi phí tài chính	18.194.427.068			49.746.665.156	3.102.247.791	71.043.340.015
Lợi nhuận tài chính	10.522.703.883			(41.462.000.996)	31.351.966.854	412.669.741
Thu nhập khác	53.120.160			334.003.208	18.057.456	405.180.824
Chi phí khác	60.999.426			10.153.988		71.153.414
Lợi nhuận khác	(7.879.266)			323.849.220	18.057.456	334.027.410
Lỗ từ hoạt động liên doanh						
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(2.282.570.985)</b>	<b>117.676.268</b>	<b>1.116.456.472</b>	<b>40.414.294.541</b>	<b>28.628.628.835</b>	<b>67.994.485.131</b>
Chi phí thuế TNDN				3.892.529.010	3.137.515.283	7.030.044.293
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>(2.282.570.985)</b>	<b>117.676.268</b>	<b>1.116.456.472</b>	<b>36.521.765.531</b>	<b>25.491.113.552</b>	<b>60.964.440.838</b>
Lợi ích cổ đông không kiểm soát						
<b>Lợi ích của Công ty mẹ</b>	<b>(2.282.570.985)</b>	<b>117.676.268</b>	<b>1.116.456.472</b>	<b>36.521.765.531</b>	<b>25.491.113.552</b>	<b>60.964.440.838</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022

Tính vực	<u>Thương mại</u>	<u>Thực ăn thủy sản</u>	<u>Thi công</u>	<u>Bất động sản</u>	<u>Khác</u>	Cộng
Doanh thu thuần	80.986.908.311	2.718.427.720.190	1.075.392.020	731.487.140	11.306.378.653	2.812.527.886.314
Giá vốn	74.506.463.277	2.631.422.175.936	630.792.589	728.313.282	8.200.889.249	2.715.486.634.333
Chi phí	6.480.445.034	87.005.544.254	444.599.431	5.173.858	3.105.489.404	97.041.251.981
<b>Lãi từ hoạt động bán hàng</b>	<b>(9.111.044.053)</b>	<b>49.385.236.141</b>	<b>444.599.431</b>	<b>(181.191.154)</b>	<b>(170.479.715)</b>	<b>40.367.120.650</b>
Doanh thu tài chính	30.346.104.454	4.524.330.219		25.044.182	390.928.063	35.286.406.918
Chi phí tài chính	21.164.092.695	31.766.834.137		17.466.406	271.475.169	53.219.868.407
Lợi nhuận tài chính	9.182.011.759	(27.242.503.918)		7.577.776	119.452.894	(17.933.461.489)
Thu nhập khác	1.107.693	143.391.479		70.000.000	21.034.235	235.533.407
Chi phí khác						
Lợi nhuận khác	1.107.693	143.391.479		70.000.000	21.034.235	235.533.407
Lãi từ hoạt động liên doanh						
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>72.075.399</b>	<b>22.286.123.702</b>	<b>444.599.431</b>	<b>(103.613.378)</b>	<b>(29.992.586)</b>	<b>22.669.192.568</b>
Thuế TNDN		1.078.582.475			(128.826.469)	949.756.006
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>72.075.399</b>	<b>21.207.541.227</b>	<b>444.599.431</b>	<b>(103.613.378)</b>	<b>98.833.883</b>	<b>21.719.436.562</b>
Lợi ích cổ đông không kiểm soát						
<b>Lợi ích của Công ty mẹ</b>	<b>72.075.399</b>	<b>21.207.541.227</b>	<b>444.599.431</b>	<b>(103.613.378)</b>	<b>98.833.883</b>	<b>21.719.436.562</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

### 9. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong năm, Tập đoàn đã có giao dịch trọng yếu với các bên liên quan sau:

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long	Công ty con
2. Công ty TNHH MTV Thức ăn Thủy sản Mekong	Công ty con từ ngày 31/8/2015
3. Công ty TNHH SX-TM-DV Thanh Thy	Công ty liên kết
4. Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex II	Công ty được kiểm soát bởi thành viên quản lý chủ chốt
5. Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	Công ty được kiểm soát bởi thành viên quản lý chủ chốt
6. Ông Phạm Phúc Toại	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty
7. Ông Nguyễn Quốc Đạo	Tổng Giám đốc Công ty
8. Bà Phạm Huyền Trang	Con của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty
9. Ông Phạm Hoàng Long	Con của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty

Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc như sau:

	<b>VND</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc của công ty Tập đoàn	903.177.653	971.274.809

### 10. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Trong quá trình hoạt động, Tập đoàn có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng: Là khả năng mà khách nợ sẽ không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản vay, hoặc sẽ không hoàn trả đúng hạn và do đó sẽ đưa đến một khoản lỗ cho Tập đoàn.
- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro mà Tập đoàn có thể không có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.
- Rủi ro thị trường: Là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ biến động về mặt giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai do những biến động về giá cả trên thị trường. Về cơ bản, Tập đoàn có thể có các rủi ro lãi suất.

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Hội đồng quản trị (HĐQT) của Tập đoàn đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Tập đoàn. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Tập đoàn. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

- Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 68 Nguyễn Trung Trực, Khu phố 9, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất;
- Tập đoàn có thể đầu tư cổ phiếu và các công cụ tương tự chỉ trong trường hợp có tiền nhàn rỗi tạm thời và các giao dịch này phải được HĐQT phê duyệt.

### 11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

### 12. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2023 được Tổng Giám đốc Tập đoàn phê duyệt và phát hành vào ngày 25 tháng 10 năm 2023.

Long An, ngày 25 tháng 10 năm 2023

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ THỊ KHẢ HÂN

NGUYỄN THỊ TRÚC

NGUYỄN QUỐC ĐẠO